TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Án số: 24/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 09/8/2019.
V/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quyết Chiến
Ông Lương Ngọc Biên
Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 98/2019/TLST- HNGĐ ngày 09/4/2019 về " *Tranh chấp HN&GĐ*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST/HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1975 (Có mặt)
Nơi cư trú: thôn Nh, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Đặng Đình S, sinh năm 1974 (vắng mặt, đã được tống đạt lần 2 vẫn vắng mặt).
Cư trú tại: thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26/3/2019, được bổ sung bằng lời khai sau này nguyên đơn là chị Dương Thị H trình bày: Chị và anh S kết hôn ngày 10 tháng 4 năm 1999, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2017 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S sống cuộc sống buông thả, không quan tâm đến gia đình, chị nhiều lần khuyên bảo anh S không sửa chữa dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn từ năm 2017. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế, chị cùng 02 con chung đến tập thể của trường Trung học C ở từ đó đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Đình S, sinh 19/01/2000 con chung thứ 2, Đặng Mai L, sinh 08/11/2006, hiện cháu S đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu L, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi con chung, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp chị H xác định không có nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đặng Đình S là bị đơn: Tòa án đã giao và niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, 02 lần giao và niêm yết Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh S đều cố tình trốn tránh khai báo, không chấp hành theo giấy triệu tập, Thông báo của Tòa án.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 BLTTDS, không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên họp, phiên hòa giải tại Tòa án.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271, 273 BLTTDS; Căn cứ các Điều 51, 56, 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình để xử:

- Quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị H được ly hôn anh Đặng Đình S
- Con chung: Giao cho chị H nuôi con chung, cháu Đặng Mai L, sinh ngày 08/11/2006. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.
- Tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.
- Kiến nghị khắc phục: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng*: Kết quả xác minh gia đình, địa phương cung cấp, hiện anh S có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã C, huyện Y và công tác tại Trường Trung học cơ sở xã T, huyện Y. Anh S đến Tòa án nhưng không làm việc, không nhận các văn bản tố tụng. Tòa án tiến hành giao và niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, 02 lần giao và niêm yết giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ

và hòa giải, anh S đều cố tình trốn tránh, không chấp hành theo giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 05 tháng 7 năm 2019, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành niêm yết 02 lần giấy triệu tập phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh S đều vắng mặt. Căn cứ Điểm e Khoản 1 Điều 192, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về nội dung*: Chị H và anh S kết hôn ngày 10 tháng 4 năm 1999, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện Y là phù hợp với các Điều 8,9 luật hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2017 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh S chơi bời, sống buông thả, không quan tâm đến gia đình. Chị H nhiều lần khuyên bảo, anh S không sửa chữa mà càng chơi bời hơn. Cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, tháng 12 năm 2017 chị H cùng 02 con chung đến ở tập thể Trường trung học cơ sở C ở nhờ, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay.

Kết quả xác minh tại địa phương cung cấp nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh S chơi bời, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình. Từ đó vợ chồng không quan tâm đến nhau. Vợ chồng nhiều lần dàn xếp không có kết quả. Ngoài ra, vợ chồng vay nợ nhiều, hiện dã bán hết nhà đất để trả nợ. Hiện chị H đang ở tập thể của Trường trung học cơ sở C, anh S về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã C.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị H và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Con chung Đặng Thanh S, sinh 19/01/2000 hiện đã trưởng thành, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung Đặng Mai L: Xét yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy: Hiện anh S chơi bời, sống buông thả. Con chung nguyện vọng ở với chị H. Và chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Áp dụng Điều 81, 82 Luật hôn nhân, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, số nợ, ruộng canh tác chị H không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; Điểm e Khoản 1 Điều 192, các Điều 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H được ly hôn anh Đặng Đình S.

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đặng Mai L, sinh 08/11/2006. Chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét. Anh S có quyền thăm nom con chung

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0002786 ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Chị H đã nộp đủ.

4. **Về quyền kháng cáo**: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND(02b);
- THA;
- ĐS;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã C.

Bùi Thị Hương